

Bình Thủy, ngày 21 tháng 3 năm 2023.

Số: 12/2023/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 114/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Văn N**, sinh ngày 14/11/195*.

Địa chỉ: ***, tổ *, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Ông **Võ Hồng Đ**, sinh ngày 18/12/197*.

Địa chỉ: ***, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Bà **Võ Thị T**, sinh ngày 25/9/197*.

Địa chỉ thường trú: Số ***, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: ***, tổ *, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn: Ông **Đoàn Văn Đ**- Văn phòng Luật sư Văn Đ thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: Số *, đường Nguyễn *, Phường B H N, quận B, Tp. Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Võ Ngọc E**, sinh ngày 17/02/197*.

Địa chỉ: ***, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ thường trú: Số ***, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn Bé T, sinh năm 196*.

Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 198*

Bà Dương Thị Y, sinh năm 199*.

Cùng địa chỉ: Số ***, đường số *, khu dân cư H, khu vực *, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Nguyễn Thái Th** - Văn phòng Luật sư Á * thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: Số ***, đường số *, khu dân cư H, khu vực *, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Võ Văn O, sinh ngày 01/01/195*.

Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Tổ *, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Bà Võ Thị B, sinh ngày 15/10/195*.

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ông Võ Văn T, sinh ngày 23/3/196*.

Địa chỉ thường trú: Số ***, tổ *, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: ***, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Bà Võ Thị Ch, sinh ngày 20/12/196*.

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ông Võ Văn M, sinh ngày 01/01/196*.

Địa chỉ: ***, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Ông Võ Văn Ng, sinh năm 194* (195*), (chết ngày 21/10/20**).

Địa chỉ trước khi chết: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người kế thừa tổ tụng:

Bà Trương Thị S, sinh ngày 01/01/195*.

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Trương Thị S ủy quyền cho Võ Thị D theo Hợp đồng ủy quyền ngày 13/02/2023.

Bà Võ Thị D, sinh ngày 01/01/197*.

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Võ Thanh P, sinh ngày 01/01/197*.

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Võ Thị Hồng M, sinh ngày 01/01/197*.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Ông **Võ Thanh Nh**, sinh ngày 22/6/199*.

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Ông P, bà M và ông Nh đều ủy quyền cho bà Võ Thị D theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06/3/2023.

Bà **Trương Thị C**, sinh năm 1972*.

Địa chỉ: *, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền:

Ông **Nguyễn Văn Bé T**, sinh năm 196*.

Bà **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 198*

Bà **Dương Thị Y**, sinh năm 199*.

Cùng địa chỉ: Số ***, đường số *, khu dân cư H, khu vực *, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bà **Võ Mỹ C**, sinh năm 197*.

Địa chỉ: ***, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Ông **Vy Quốc H**, sinh ngày 30/6/197*.

Địa chỉ: Số ***, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vợ chồng ông Võ Văn S, sinh năm 191*, chết ngày 15/02/20** và bà Trần Thị B*, sinh năm 192*, chết ngày 30/4/20**, có với nhau mười người con chung gồm: Ông Võ Văn O, Võ Văn N, Võ Thị B, Võ Văn T, Võ Thị Ch, Võ Văn M, Võ Hồng Đ, Võ Ngọc E, Võ Thị T và ông Võ Văn Ng (ông Ng chết. Ông Ng có vợ là bà Trương Thị S và các con là Võ Thị D, Võ Thanh P, Võ Thị Hồng M và Võ Thanh Nh.

Di sản của bà B* có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ, diện tích: 2657,2 m². Trong đó đất ở đô thị 45m², đất trồng cây lâu năm: 2612,2 m², được Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/4/2007, sổ vào sổ: H0028378/LT cấp cho ông Võ Ngọc E và bà Trần Thị B*.

- Các đương sự thống nhất bà B* chết không để lại di chúc và thống nhất phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất nêu trên cụ thể như sau:

1/ Công nhận cho ông Đ được nhận thừa kế diện tích 179 m², loại đất CLN - Diện tích trong lộ giới: 18,4m² tại vị trí A.

2/ Công nhận cho bà T được nhận diện tích 153,5 m², loại đất ODT+CLN (có 30.3m² ODT- Diện tích trong lộ giới: 18,0m²) tại vị trí B.

3/ Công nhận cho ông E được nhận diện tích 1.273m², loại đất ODT+CLN (có 14,7m² ODT- Diện tích trong lộ giới: 48,8m²) tại vị trí C.

4/ Công nhận cho ông M được nhận diện tích 131,8 m², loại đất CLN tại vị trí D.

5/ Công nhận cho ông N được nhận thừa kế diện tích 131,8 m², loại đất CLN tại vị trí E.

6/ Công nhận cho bà Ch được nhận diện tích 131,8 m², loại đất CLN tại vị trí F.

7/ Công nhận cho bà B được nhận diện tích 131,8 m², loại đất CLN tại vị trí G.

8/ Công nhận cho ông T được nhận diện tích 131,8 m², loại đất CLN tại vị trí H.

9/ Công nhận cho người thừa kế tổ tụng của ông Ng là bà S, bà D, ông P, bà M và ông Nh được nhận diện tích 131,8 m², loại đất CLN theo vị trí I.

10/ Công nhận cho ông O được nhận diện tích 132,0m², loại đất CLN tại vị trí J.

11/ Công nhận cho ông E, ông M và ông Đ diện tích 128,9m² - Diện tích lộ giới 3,2m² loại đất CLN, tại vị trí K. Đối với phần diện tích đất cây lâu năm có biến động tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 38,5 m² tạm giao cho ông E, ông M và ông Đ tiếp tục quản lý sử dụng, tại vị trí K, trên đất có khu mộ được ổn định.

Các vị trí A, B, C, D, E, F, G, H, I, J và K được thể hiện theo bản trích đo địa chính ngày 03/02/2023 (kèm theo bản trích đo địa chính ngày 03/02/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường TP. Cần Thơ).

Các yêu cầu khác:

Bà T thống nhất giao trả cho ông E số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), tiền hỗ trợ giá trị thổ cư mà bà T đang sử dụng.

Ông N, ông O, bà B, bà Ch, ông M và bà T thống nhất giao trả cho vợ chồng ông E và bà C tổng cộng 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), ông T giao cho vợ chồng ông E 1.000.000 đồng (một triệu đồng), những người thừa kế tổ tụng của ông Ng giao cho vợ chồng ông E tổng cộng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), tiền công sức đóng góp của bà C và ông E

vào mảnh đất đang tranh chấp và cây trồng trên đất. Đối với cây cối trên đất vợ chồng ông E sẽ tự chặt và tự di dời, khi quyết định của Tòa án có hiệu lực.

Bà T, ông Đ mỗi người giao cho ông Mười 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), ông N, bà B, bà C và ông O mỗi người giao cho ông M số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để hỗ trợ chi phí bơm cát lấp mương.

Đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh biến động quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

Về các chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tài sản: Nguyên đơn ông Võ Văn N tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Hồng Đ phải nộp làm tròn 959.000 đồng (chín trăm năm mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, bà Võ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm làm tròn 1.948.000 đồng (một triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Đ và bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002511 ngày 30/5/2022 thì ông Đ và bà T được nhận lại số tiền làm tròn

4.416.000 đồng (bốn triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Ông Võ Ngọc E phải nộp 8.035.000 đồng (tám triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Bà Võ Thị Ch, ông Võ Văn M mỗi người phải nộp làm tròn 744.000 đồng (bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Bà Võ Thị D, ông Võ Thanh P, bà Võ Thị Hồng M và ông Võ Thanh Nh mỗi người phải nộp làm tròn 148.000 đồng (một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Ông Võ Văn N, ông Võ Văn O, ông Võ Văn T, bà Võ Thị B và bà Trương Thị S được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Bình Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Oanh